

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 170/2023/HS-ST
Ngày: 07/8/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Việt Ty

Bà Mai Thị Viện

Ông Bùi Thế Huệ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh – Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Lương Văn Bình – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 141/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn L – sinh năm 1984; nơi ĐKNKTT: **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Mường; Tôn giáo: Không; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; Bố Mẹ Đẻ: Không; Bố nuôi: **Phạm Văn T**, sinh năm 1953, mẹ nuôi: **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1960. Vợ: **Lương Thị M**, sinh năm 1987; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/6/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh T**. (Có mặt)

1.2. Người đại diện hợp pháp của bị cáo

Phạm Văn T, sinh năm 1953 (Có mặt)

Trú tại: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

1.3. Người bào chữa cho bị cáo

Lê Thu H, sinh năm 1987 (Có mặt)

Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

Địa chỉ: C Đại lộ L, P. Đ, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

1.4. Bị hại

1. Phạm Thị H1, sinh năm 1988 (Đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị H2 anh Phạm Văn M1, sinh năm 1984

Cùng trú tại: thôn Đô Sơn, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

2. Phạm Văn M1, sinh năm 1984 (Có mặt)

Trú tại: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

* Người bảo vệ quyền, lợi ích của bị hại Phạm Văn M1, sinh năm 1984 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1988.

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1987 (Có mặt)

Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

Trú tại: C Đại lộ L, P. Đ, Thành phố T

3. Phạm Văn M1, sinh năm 1968 (Có mặt)

Trú tại: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

* Người bảo vệ quyền, lợi ích của bị hại Phạm Văn M1 sinh năm 1968.

Bà Lê Thị P, sinh năm 1986 (Có mặt)

Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

Trú tại: C Đại lộ L, P. Đ, Thành phố T

1.5. Người làm chứng

1. **Phạm Thắng L1**, sinh năm 1960 (Có mặt)

Trú tại: thôn Đô Sơn, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

2. **Lê Thị H3**, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Trú tại: **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh T**

3. **Trương Thị L2**, sinh năm 1974 (Có mặt)

Trú tại: **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**

4. **Lê Xuân C**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Trú tại: **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**

5. **Quách Thị T1**, sinh năm 1971, **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. (Có mặt)

6. **Phạm Văn T2**, sinh năm 1962 (Có mặt)

Trú tại: **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h00 ngày 09/6/2022, **Lê Văn L** đang ngủ ở nhà ông **Phạm Văn T** (bố nuôi của **L**) sinh năm 1953, ở **thôn Đ, xã T, huyện N** thì tỉnh dậy, đi sang nhà ông **Phạm Thắng L1**, sinh năm 1960, ở cùng thôn ngồi chơi, hút thuốc lào. Vài phút sau, **L** đứng dậy đi về nhà lấy 01 con dao, loại dao dùng để chọc tiết lợn (dao bầu, mũi nhọn, một lưỡi sắc, dài 43cm, cán dao bằng nhựa màu trắng đục cuốn dây cao su màu đen, dài 13cm) ở trong tủ gỗ, rồi đi sang nhà vợ chồng anh **Phạm Văn M1**, sinh năm 1984 và chị **Phạm Thị H1**, sinh năm 1988 (là con trai và con dâu của ông **L1**). Lúc này vợ chồng anh **M1** đang nằm ngủ ở tấm đệm trên sàn của nhà sàn thì **L** đi vào gọi: “**M1** ơi dậy cứu anh với, người ta đang lừa chém anh đây ra đây này”. Anh Mạnh thức dậy, nhận ra **L** và nói: “Anh lại uống rượu rồi đứng không, về ngủ đi”, thì ngay lập tức bị **L** xông đến cầm dao bằng tay phải chém liên tiếp nhiều nhát vào đầu và người. Thấy vậy, chị **Phạm Thị H1** lao vào ôm anh **M1** thì bị **L** cầm dao đâm 01 nhát và chém 2,3 nhát vào người. Vợ chồng anh **M1** hô hoán kêu cứu và ôm nhau bỏ chạy về phía cầu thang của nhà sàn thì gục xuống, còn **L** cầm dao đi xuống khỏi nhà sàn.

Nghe tiếng kêu cứu, ông **Phạm Văn M1**, sinh năm 1968, ở cùng **thôn Đ, xã T** (là hàng xóm và ở cách nhà vợ chồng anh **M1** khoảng 50m) đi xuống cầu thang nhà mình đứng xem. Lúc này thấy ông **M1** đang đứng ở gần cầu thang, **L** xông vào dùng dao chém liên tiếp nhiều nhát vào

vùng đầu, người của ông M1. Bị chém, ông M1 bỏ chạy vài bước rồi nằm gục ở nền bê tông phía dưới nhà sàn. Thấy vậy, bà Quách Thị T1, sinh năm 1971 (vợ ông M1) đã hô hoán, kêu cứu nên ông Lê Xuân C, sinh năm 1976 cùng vợ là Trương Thị L2, sinh năm 1974 và con gái là Lê Thị H3, sinh năm 1998 (hàng xóm) chạy sang. L cầm 01 con dao (loại dao nôm) lấy ở dưới gầm nhà sàn của ông M1 ném về phía gia đình ông C làm mọi người hoảng sợ bỏ chạy. Một lúc sau gia đình ông C lại tiếp tục đi sang để cấp cứu cho ông Phạm Văn M1, đưa ông M1 lên nhà sàn và gọi người cấp cứu. Chị H3 (con gái ông C) vừa bước xuống cầu thang nhà sàn thì Lê Văn L phát hiện cầm dao lừa đuổi nhưng không được. Khi mọi người dân trong thôn đã ra đông, Lê Văn L cầm theo dao và bỏ trốn lên núi đá phía sau thôn Đ. Hậu quả: chị Phạm Thị H1 tử vong trên đường đưa đi cấp cứu, anh Phạm Văn M1 sinh năm 1984 và ông Phạm Văn M1 sinh năm 1968 bị thương nặng.

Trên đường trốn chạy, Lê Văn L vào lán của ông Phạm Văn T2, sinh năm 1962, ở cùng thôn và lấy đi 01 (một) túi nilong xác rắn, 01 (một) đèn pin (loại đèn pin đeo trên đầu) và 01 (một) chiếc liềm rồi tiếp tục bỏ trốn. Đến khoảng 12h ngày 10/6/2022 thì Lê Văn L bị bắt khi đang trốn ở bụi cây rậm rạp trên đồi Miệng Ang thuộc thôn Đ, xã T.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: tại Biên bản khám nghiệm và sơ đồ hiện trường ngày 10/6/2022 (BL: 02-05) thể hiện: Hiện trường nơi xảy ra vụ việc tại (02) hai ngôi nhà, gồm: Nhà anh Phạm Văn M1, sinh năm 1984 và nhà anh Phạm Văn M1, sinh năm 1968, đều trú tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Cả hai nhà đều nằm trên sườn đồi phía Đông đường liên xã, cách nhau khoảng 50 mét.

Nhà anh Phạm Văn M1, sinh năm 1984 là nhà sàn, nằm cách đường liên xã 30m về phía Đông. Nhà có bậc cầu thang lên xuống ở phía Bắc, diện tích khoảng 35m, sàn nhà làm bằng tre, nứa. Tiến hành khám nghiệm theo chiều từ ngoài vào trong hiện trường thể hiện như sau:

- Vết số 1 là vết nâu đỏ dạng máu có kích thước (5,17 x 0,31)m, vết cách mép bậc cầu thang lên xuống 0,9m, vết trên sàn nhà có dạng bám vết.

- Vết số 2 là vết màu nâu đỏ dạng máu phun có chiều từ Nam ra B, vết có kích thước (1,2 x 1)m. T3 vết cách mép phía Tây nhà là 1,8m.

Vết số 3 là vết màu nâu đỏ dạng máu phun có chiều từ Nam ra B, vết có kích thước (2,5 x 1,2)m. T3 vết cách phía Tây nhà là 1,5m.

- Cách vết số 3 về phía Nam 01m là vị trí đệm ngủ, đầu đệm quay về hướng Tây, trên đầu đệm có gối màu xanh, trên gối phát hiện 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG bề mặt kính điện thoại có vết nứt vỡ, vỡ kính.

- Sát mép phía Tây nhà có kê 01 tủ gỗ loại nhỏ, trên mặt tủ có 01 điện thoại di động hiệu "REALME" tình trạng còn nguyên vẹn.

Nhà anh **Phạm Văn M1**, sinh năm 1968, là nhà sàn nằm cách đường liên xã 25m về phía Đông. Nhà có bậc cầu thang lên xuống ở phía Bắc, có diện tích khoảng 60m, sàn nhà làm bằng tre nứa. Tiến hành khám nghiệm theo chiều từ ngoài vào trong, từ dưới lên trên phát hiện:

- Trên nền sân vườn gần cầu thang lên xuống phát hiện các dấu vết màu nâu đỏ dạng máu giọt bám dính trên các cục đá loại 1;2 kích thước (1,74 x 0,96)m.

- Từ bậc cầu thang lên xuống bên tay phải (phía Tây) trên sàn nhà có thảm đệm ngủ, trên bề mặt có bám dính nhiều chất màu nâu đỏ dạng máu bám bết.

- Dưới nền nhà, vị trí chân cột phía Đông Bắc gần cầu thang phát hiện 01 con dao (dài 45,5cm, một lưỡi sắc, phần lưỡi dài 31,5cm, mũi bằng, chỗ rộng nhất 6,4cm).

Kết quả khám nghiệm tử thi: Tại biên bản khám nghiệm tử thi **Phạm Thị H1** hồi 03h55' ngày 10/6/2022 tại **Bệnh viện Đ1** (BL06, 07) phát hiện:

Vết rách da dạng hình bán nguyệt kích thước 8,5cm x 1,9cm tại vùng mạn sườn phải, tương ứng đường nách giữa và đường nách trước, cách hõm nách phải 8,5cm, cách đường giữa ức 10,5cm, vết có chiều từ phải qua trái, chệch từ dưới lên trên, bờ mép vết sắc gọn. Sát đầu trước dưới của vết có diện bầm máu kích thước 0,8cm x 0,6cm;

- Vết bầm tụ máu không rõ hình, kích thước 4,5cm x 3,5cm tại mặt trước vai trái;

- Vết rách da dạng hình bầu dục kích thước 6cm x 3,2cm tại mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải, vết có chiều từ sau về trước, từ dưới lên trên, bờ mép vết sắc gọn; Vết rách da không rõ hình, kích thước 6,9cm x 2,5cm tại mặt trong sau 1/3 dưới cẳng tay phải, vết có chiều từ trái qua phải, từ dưới lên trên, bờ mép sắc gọn;

- Vết rách da không rõ hình, kích thước 6,6cm x 1,1cm tại mặt trong 1/3 giữa đùi trái, vết có chiều từ dưới lên trên, chệch từ trước về sau, bờ mép vết sắc gọn;

- Vết rách da, xây xước da không rõ hình, kích thước 5,5cm x 2cm tại mặt trong sau 1/3 trên cẳng chân trái, vết có chiều từ trên xuống dưới, chệch từ sau về trước, bờ mép vị trí rách da sắc gọn.

Mổ tử thi:

- Vùng ngực, bụng: Tổ chức dưới da vùng ngực phải và cơ ngực hai bên tụ máu. Tụ máu mặt sau xương ức và trung thất trước. Đứt hoàn toàn cung trước xương sườn số 3 bên phải. Khoang ngực hai bên có khoảng 2,5 lít máu không đông lẫn máu đông. Hai phổi xẹp, nhợt nhạt. Rách mặt trước thùy giữa phổi phải và một phần thùy trên phổi trái. Tim: Rách bao màng ngoài tim, khoang ngoài tim có máu không đông lẫn máu đông, tim kích thước 11cm x 9cm x 7,5cm. Tiểu nhĩ phải và tổ chức cơ tâm nhĩ phải rách, đứt một phần.

- Rãnh thương vùng ngực phải (tương ứng với vết thương vùng ngực phải) làm đứt tổ chức da, cơ vùng ngực phải, đứt cơ liên sườn tương ứng vị trí cung trước bên khoang liên sườn 5,6 bên phải vào khoang ngực phải, làm rách thùy giữa phổi phải, rách bao ngoài tim, rách tiểu nhĩ phải, sang khoang ngực trái làm rách thùy trên phổi trái, đứt hoàn toàn cung trước xương sườn số 3 bên trái và tổ chức cơ liên sườn tương ứng, xuyên vào cơ ngực trái và kết thúc trong tổ chức cơ ngực trái.

Tại Kết luận giám định số 2221/GDPY-PC09 ngày 23/6/2022 của phòng K Công an tỉnh T (BL: 166, 167), kết luận: nguyên nhân chết: Sốc mất máu do vết thương đứt, rách tim, phổi. Thương tích anh **Phạm Văn M1** (1984): tại Biên bản xem xét dấu vết thân thể anh **Phạm Văn M1** (1984) ngày 10/6/2022 tại **Bệnh viện Đ1** (BL:121), xác định:

- Vùng cằm trái có vết thương kích thước (4 x 1)cm, rách da, chảy máu nhiều.
- Vùng cổ trái kéo dài đến vai trái có vết thương kích thước (20 x 2)cm, rách da cân cơ, sâu sát xương, chảy máu nhiều.
- Vùng gối phải có vết thương kích thước (15 x 3)cm rách da cân cơ, đứt gân bánh chè, lộ xương bánh chè vỡ thông vào ổ khớp, chảy máu nhiều.
- Vùng lưng bên trái có vết thương kích thước (10 x 1)cm, rách da cân cơ, chảy máu nhiều. Theo Bệnh án của anh **Phạm Văn M1** tại **Bệnh viện Đ1** (nhập viện ngày 10/6/2022, ra viện ngày 22/6/2022):
- Chẩn đoán lúc vào viện: Sốc chấn thương/ Đa vết thương do bị chém;
- Chẩn đoán lúc ra viện: Hậu phẫu đa vết thương/ Sốc chấn thương/ Thiếu máu/ mất máu cấp do bị chém.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1012/2022/TTPY ngày 17 tháng 10 năm 2022 của **Trung tâm P** (BL: 178-180), kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với **Phạm Văn M1** là 33%.

Thương tích ông **Phạm Văn M1** (1968); tại Biên bản xem xét dấu vết thân thể ông **Phạm Văn M1** (1968) ngày 10/6/2022 tại **Bệnh viện Đ1** (BL: 141), xác định:

- Vết thương thành ngực trái, khoang liên sườn 3,4 kích thước (20 x 3)cm, đứt cân cơ ngực lớn, rách vào khoang màng phổi; má trái;
- **V** (10 x 3)cm, đứt xương gò Vết thương má trái kích thước 7cm, từ khúc mép đến giữa má trái, thấu vào khoang miệng; Bàn chân phải có vết thương kích thước (12 x 1)cm rách cân cơ, sát xương mặt gan bàn chân;

- Vết thương 1/3 dưới đùi phải kéo dài tới gối phải kích thước (14 x 8)cm, chảy nhiều máu, rách cân cơ, sâu sát xương; Vết thương 1/3 mặt trong giữa đùi trái kích thước (14 x 5)cm, rách cân cơ, sâu sát xương, chảy nhiều máu.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1013/2022/TTPY ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Trung tâm P (BL: 188-190), kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Phạm Văn M1 là 39%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y cơ chế hình thành thương tích và xác định vật gây thương tích số 1189 và 1190/2022/TTPY ngày 11/11/2022 của Trung tâm pháp y, Sở Y (BL: 182-185, 192-195), kết luận: các vết thương trên người anh Phạm Văn M1 (1984) và ông Phạm Văn M1 (1968) nếu không được can thiệp y tế kịp thời thì có thể gây ra hậu quả chết người.

Kết luận giám định pháp y về hóa pháp số 160/2022/TTPY ngày 01/7/2022 đối với mẫu máu của Lê Văn L, được thu ngay sau khi bắt giữ đối tượng:

+ Không có cồn E, M2.

+ Không phát hiện các chất ma túy Morphin, H4, C1, A, M3, MDA, MDMA, MDEA, Ketamin, LDS, THC.

- Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 33/KLGĐ ngày 31/01/2023 của V1:

+ Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Lê Văn L bị bệnh rối loạn loạn thần do sử dụng rượu. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F10.5.

+ Trong khi thực hiện hành vi phạm tội bệnh của bị can ở giai đoạn nặng. Bị can mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Tại thời điểm giám định bệnh của bị can ở giai đoạn thuyên giảm. Bị can hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, Về vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ: Cơ quan điều tra thu giữ của Lê Văn L 01 con dao (loại dao bầu) dài 43cm, lưỡi dao dài 30cm; Tại Kết luận giám định số 2340/KL-KTHS ngày 05/7/2022 của Phòng K Công an tỉnh T thể hiện: trên con dao dài 43cm gửi đến giám định có máu của nhiều người, không phân tích được kiểu gen riêng biệt của từng người.

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME cho anh Phạm Văn M1 (sinh năm 1984); trả lại 01 chiếc liềm, lưỡi bằng kim loại dài 27cm, 01 chiếc pin màu nâu kích thước (7,3 x 7,3 x 7,3)cm, 01 bì xác rắn kích thước (32 x 38)cm, quai đeo màu xanh cho ông Phạm Văn T2.

01 con dao (loại dao bầu) bằng kim loại, mũi nhọn, một lưỡi sắc, dài 43cm, phần lưỡi dao dài 30cm, chỗ rộng nhất 5,5cm, phần cán dao bằng nhựa màu trắng đục được quấn dây cao su

màu đen dài 13cm; 01 con dao bằng kim loại 45,5cm, một lưỡi sắc dài 31,5cm, mũi bằng, chỗ rộng nhất 6,4cm, cán bằng gỗ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, mặt kính bị vỡ, sẽ được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa cho xử lý.

Về dân sự: Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu **Lê Văn L** phải bồi thường thiệt hại. Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên,

Cáo trạng số 87/CT-VKS-P2 ngày 26/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo **Lê Văn L** về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị:

+ Giữ Nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo **Lê Văn L** và tội “Giết người” theo quy định tại các điểm a, n khoản 1 Điều 123 BLHS.

+ Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo **Lê Văn L** phạm tội Giết người

* Áp dụng: các điểm a, n khoản 1 Điều 123, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 BLHS;

Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo **Lê Văn L** “Tù chung thân”.

- Về bồi thường dân sự: các bị hại và Đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng

+ Trả lại cho anh **Phạm Văn M1** (sinh năm 1989) 01 Điện thoại Sam Sung.

+ Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

+ Tịch thu, tiêu hủy 02 con dao;

* Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo **Lê Văn L** không tranh luận với địa diện Viện kiểm sát về tội danh và áp dụng pháp luật đối với bị cáo **Lê Văn L**.

- Người bào chữa phân tích các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo.

- Điều kiện hoàn cảnh khó khăn của bị cáo như vợ con bị cáo bỏ đi, không có công ăn việc làm, trình độ học vấn còn thấp, khi phạm tội bị cáo mất năng lực hành vi dân sự do nghiện rượu.

Đề nghị HĐXX quyết định hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đại diện hợp pháp của bị cáo và bị cáo không có ý kiến tranh luận.

* Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại **Phạm Văn M1** (sinh năm 1984) và **Phạm Thị H1**.

- Không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh và áp dụng pháp luật đối với bị cáo **Lê Văn L**.

- Đề nghị HĐXX quyết định hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo **Lê Văn L**.

- Về bồi thường dân sự không đề nghị giải quyết.

* Ý kiến của anh **Phạm Văn M1**.

- Nhất trí với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh và vợ anh là **Phạm Thị H1**

* Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh **Phạm Văn M1** (sinh năm 1968).

- Đồng ý với bản cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và áp dụng pháp luật đối với bị cáo **Lê Văn L**.

- Đề nghị HĐXX quyết định hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo

- Về bồi thường dân sự không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến anh **Phạm Văn M1** (sinh năm 1968)

- Nhất trí với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, đại diện bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các quyết định tố tụng và hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo, Luật sư của bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì. Do đó các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng để thực hiện hành vi đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, những người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng của vụ án đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù không có mâu thuẫn, tuy nhiên khoảng 22h00 ngày 09/6/2022, tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, Lê Văn L cầm 01 con dao từ nhà mình (loại dao bầu) đi sang nhà vợ chồng anh Phạm Văn M1 và chị Phạm Thị H1 rồi dùng dao chém liên tiếp vào người anh M1. Chị H1 lao vào ôm anh M1 thì bị L dùng dao đâm 01 nhát và chém nhiều nhát vào người chị H1. Sau đó M1 đi sang cầu thang nhà ông Phạm Văn M1 (sinh năm 1968) rồi dùng dao chém liên tiếp nhiều nhát vào vùng đầu, người của ông M1. Hậu quả làm chị Phạm Thị H1 tử vong vì sốc mất máu do vết thương đứt, rách tim, phổi, anh Phạm Văn M1 (sinh năm 1984) và ông Phạm Văn M1 (sinh năm 1968) bị thương tích nặng với tỷ lệ tổn thương cơ thể lần lượt là 33% và 39%.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Lê Văn L mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bị bệnh rối loạn loạn than từ việc sử dụng rượu. Tuy nhiên, theo quy định tại điều 13 BLHS, bị cáo Lê Văn L vẫn phải chịu trách nhiệm Hình Sự.

Hành vi nêu trên của Lê Văn L là hành vi giết người với các tình tiết định khung tăng nặng “giết từ hai người trở lên” và “có tính chất côn đồ” quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự

Do đó, cáo trạng của VKSND tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Lê Văn L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn L là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng của nhiều người, hành vi thể hiện tính côn đồ, coi thường pháp luật, gây hoang mang dư luận, cần phải bị xử lý bằng pháp luật hình sự để răn đe và giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

+ Quá trình điều tra và tại phiên Tòa bị cáo thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo là người dân tộc ít người, trình độ văn hóa thấp, khi thực hiện hành vi phạm tội mất năng lực hành vi dân sự là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS>

- Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về nhân thân:

Từ trước đến ngày phạm tội bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Căn cứ vào các điểm a, n khoản 1 Điều 123 BLHS. Cần nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội không xác định thời hạn mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm và giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường dân sự:

Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo **Lê Văn L** bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 con dao (loại dao bầu) bằng kim loại, mũi nhọn, một lưỡi sắc, dài 43cm, phần lưỡi dao dài 30cm, chỗ rộng nhất 5,5cm, phần cán dao bằng nhựa màu trắng đục được quấn dây cao su màu đen dài 13cm;

- 01 con dao bằng kim loại 45,5cm, một lưỡi sắc dài 31,5cm, mũi bằng, chỗ rộng nhất 6,4cm, cán bằng gỗ;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, mặt kính bị vỡ,

* Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với 01(một) con dao (loại dao bầu) là công cụ, phương tiện dùng vào việc thực hiện tội phạm nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 116 BLTTHS.

- Đối với 01 (một) Con dao (loại dao 5) là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Trả lại cho anh **Phạm Văn M1** (sinh 1984) 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung mặt kính bị vỡ, bị hư hỏng.

[8] Về án phí:

Bị cáo **Lê Văn L** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm s, khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 39 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn L** phạm tội “ *Giết người*”.

Xử phạt: **Lê Văn L** “Tù Chung thân”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2022.

* Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều a khoản 1 Điều 47 BLHS. Các điểm a,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) con dao (loại dao bầu)

- 01 (một) con dao (loại dao nắm)

- Trả lại cho anh **Phạm Văn M1** (sinh năm 1984) 01 (một) điện thoại hiệu SAM SUNG, mặt kính bị vỡ.

Các vật chứng được mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng số 168/2023/TV-CTHADS ngày 11/7/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQCSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- CQ THAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo, Bị hại;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- ĐDBH; các Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Long